

Biên Hòa, Ngày 07 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 061-3836361-4

Fax: 061-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thin Pau

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 Tổng hợp Taya.

Toàn bộ nội dung CBTT này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 08 tháng 03 năm 2017 tại địa chỉ: www.taya.com.vn mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp



LINH THIN PAU

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 061-3836361-4 Fax : 061-3836388
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thịn Pau
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 061-3836361-4, 01695999025 Fax: 061-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình kết quả báo cáo kiểm toán tổng hợp năm 2016 doanh thu giảm 8.37%, lợi nhuận sau thuế giảm 21.92% so với năm 2015 và số liệu chênh lệch so với báo cáo trước kiểm toán như sau:

So sánh kết quả kinh doanh (Tổng hợp):

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/giảm	Tăng/giảm %
Doanh thu thuần	1,291,029,542,245	1,408,889,942,553	-117,860,400,308	-8.37%
Giá vốn hàng bán	1,179,055,749,833	1,269,967,366,547	-90,911,616,714	-7.16%
Lợi nhuận gộp	111,973,792,412	138,922,576,006	-26,948,783,594	-19.40%
Chi phí tài chính	10,764,116,218	23,343,597,463	-12,579,481,245	-53.89%
Lợi nhuận sau thuế	48,798,773,695	62,499,389,051	-13,700,615,356	-21.92%

I. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận giảm trên 10%: (Tổng hợp)

So với năm 2015 doanh thu năm 2016 tổng hợp công ty giảm 8.37% đạt khoảng 1,291 tỷ đồng. Chủ yếu do giá nguyên liệu đồng thế giới LME quý 4/2016 bình quân gia tăng khoảng USD508/T so với quý 3/2016 khiến giá vốn tăng cao. Tuy công ty cố gắng điều chỉnh giá bán hàng hóa nhưng mức độ điều chỉnh không sao theo kịp mức độ tăng giá nguyên liệu ảnh hưởng doanh thu quý4/2016 không như mong đợi. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 chỉ đạt khoảng 48.8 tỷ đồng, giảm 21.92% so với năm 2015.

II. Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau báo cáo kiểm toán:

Bảng cân đối kế toán:

- Kiểm toán phân loại lại phải thu ngắn hạn khách hàng (131)186,144,063,171 phát sinh chênh lệch 33,518,077,114 làm ảnh hưởng các khoản phải thu ngắn hạn (130) điều chỉnh 186,414,426,161.
- Kiểm toán phân loại lại thuế phải thu nhà nước (153) 226,488,693 ảnh hưởng thuế và các khoản phải nộp nhà nước (313) thay đổi 931,735,136.
- Kiểm toán điều chỉnh giá trị hao mòn lũy kế (223) chênh lệch số lẻ 500 làm điều chỉnh TSCĐ hữu hình (221) 95,628,829,079
- Kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hoãn lại (262)1,363,475,902 phát sinh chênh lệch 370,933,930 làm thay đổi lợi nhuận sau thuế 48,798,773,695.
- Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi vốn chủ sở hữu 434,153,189,832.

Bảng kế quả hoạt động kinh doanh:

1. Kiểm toán điều chỉnh giá vốn 1,179,055,749,833 phát sinh chênh lệch số lẻ 500 là số chênh lệch điều chỉnh khấu hao tài sản cố định hữu hình.
2. Kiểm toán phân loại lại thu nhập HDTC (515)14,757,630,636 và chi phí tài chính (635)10,764,116,218 phát sinh số chênh lệch 125,341,451 cân trừ nhau.
3. Kiểm toán phân loại lại chi phí khác (811) 751,458,863 phát sinh chênh lệch 640,514,918 và phân loại đến chi phí thuế TNDN hiện hành 12,426,194,433.
4. Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế.

Bảng lưu chuyển tiền tệ:

Do kết quả điều chỉnh và phân loại lại bảng CĐKT và KQHĐKD nêu trên ảnh hưởng làm thay đổi trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng không làm thay đổi số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ.

Công ty cam kết nội dung giải trình trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người thực hiện công bố thông tin



Linh Thin Pau

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP 414/GPĐC 414/GPĐC1 414/GPĐC2 414/GPĐC3 414/GPĐC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNĐC1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN 414/GPĐC2-BKH-KCN-DN 414/GPĐC3-BKH-KCN-DN 414/GCNĐC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013
	Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2016) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 11 năm 2016)
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

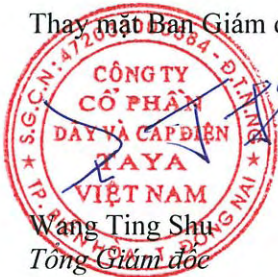
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 2 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-414/1




Chang Hùng Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		608.400.552.029	664.965.005.613
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	194.077.470.840	234.551.637.935
Tiền	111		30.682.470.840	49.211.637.935
Các khoản tương đương tiền	112		163.395.000.000	185.340.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.800.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.800.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.414.426.161	209.328.731.695
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	186.144.063.171	207.304.196.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		282.512.420	2.872.886.199
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		1.435.743.858	648.222.223
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.447.893.288)	(1.496.573.288)
Hàng tồn kho	140	7	178.597.770.283	199.974.688.896
Hàng tồn kho	141		180.896.827.158	200.915.366.851
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.299.056.875)	(940.677.955)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.510.884.745	21.109.947.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	1.109.532.934	1.657.134.190
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(b)	6.559.010.620	19.231.030.493
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	226.488.693	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		615.852.498	221.782.404
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		108.967.772.315	108.851.373.033
Tài sản cố định	220		95.704.429.079	97.516.241.249
Tài sản cố định hữu hình	221	8	95.628.829.079	97.327.241.249
<i>Nguyên giá</i>	222		457.577.708.786	442.618.893.782
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(361.948.879.707)	(345.291.652.533)
Tài sản cố định vô hình	227	9	75.600.000	189.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		567.000.000	567.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(491.400.000)	(378.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.815.448.752	7.467.834.491
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	8.815.448.752	7.467.834.491
Tài sản dài hạn khác	260		4.447.894.484	3.867.297.293
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	3.084.418.582	2.611.054.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.363.475.902	1.256.243.059
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		717.368.324.344	773.816.378.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		283.215.134.512	386.868.228.089
Nợ ngắn hạn	310		283.215.134.512	386.868.228.089
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	94.485.239.681	180.040.806.336
Người mua trả tiền trước	312		10.977.011.759	2.817.572.557
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	931.735.136	7.956.930.826
Phải trả người lao động	314		7.910.757.520	7.189.475.213
Chi phí phải trả	315	15	1.128.063.392	1.210.050.512
Phải trả ngắn hạn khác	319		177.327.024	170.392.645
Vay ngắn hạn	320	16	167.605.000.000	187.483.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		434.153.189.832	386.948.150.557
Vốn chủ sở hữu	410	17	434.153.189.832	386.948.150.557
Vốn cổ phần	411	18	306.899.450.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	37.739.024.524	28.364.116.167
Lợi nhuận chưa phân phối	421		89.787.554.671	79.843.103.753
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.988.780.976	17.343.714.702
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.798.773.695	62.499.389.051
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		717.368.324.344	773.816.378.646

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

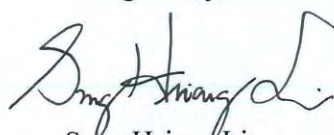
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.291.313.573.115	1.409.049.607.888
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	284.030.870	159.665.335
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.291.029.542.245	1.408.889.942.553
Giá vốn hàng bán	11	23	1.179.055.749.833	1.269.967.366.547
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		111.973.792.412	138.922.576.006
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.757.630.636	13.279.819.566
Chi phí tài chính	22	25	10.764.116.218	23.343.597.463
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.563.426.244	4.898.081.589
Chi phí bán hàng	25		23.447.037.187	23.197.645.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30.685.453.797	28.212.459.050
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		61.834.815.846	77.448.693.777
Thu nhập khác	31	26	34.378.302	39.631.263
Chi phí khác	32	27	751.458.863	149.895.294
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(717.080.561)	(110.264.031)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.117.735.285	77.338.429.746
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.426.194.433	14.911.262.172
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(107.232.843)	(72.221.477)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.798.773.695	62.499.389.051
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.591	2.037

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	61.117.735.285	77.338.429.746
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	17.334.610.387	17.701.979.340
Các khoản dự phòng	03	1.379.698.920	105.336.443
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	893.991.498	1.562.427.497
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05	(10.747.641.897)	(9.038.312.476)
Chi phí lãi vay	06	5.563.426.244	4.898.081.589
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.541.820.437	92.567.942.139
Biến động các khoản phải thu	09	36.326.274.534	4.300.927.113
Biến động hàng tồn kho	10	20.018.539.693	(22.130.677.357)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(76.550.877.140)	(5.160.664.447)
Biến động chi phí trả trước	12	74.236.908	(802.530.476)
		55.409.994.432	68.774.996.972
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.565.441.101)	(4.857.283.348)
Thuế thu nhập đã nộp	15	(19.710.499.790)	(10.710.428.410)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.593.734.420)	(1.157.786.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	28.540.319.121	52.049.499.050
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.870.412.478)	(9.984.716.288)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	15.500.000	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	26	(40.800.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.988.426.262	9.367.758.828
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(47.666.486.216)	(616.957.460)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	416.931.000.000	433.095.024.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(438.279.000.000)	(414.926.024.750)
Tiền chi trả cổ tức	36 20	-	(27.892.340.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(21.348.000.000)	(9.723.340.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(40.474.167.095)	41.709.201.322
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	234.551.637.935	192.842.436.613
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 4	194.077.470.840	234.551.637.935

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) - chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 442 nhân viên (1/1/2016: 458 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ gôn

Phí hội viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị của khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.189.777.100	717.398.200
Tiền gửi ngân hàng	29.492.693.740	48.494.239.735
Các khoản tương đương tiền	163.395.000.000	185.340.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	194.077.470.840	234.551.637.935

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40.800.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Thời gian đáo hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là dưới 12 tháng.

6. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	27.059.037.284	24.026.750.614
Công Ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	26.218.479.533	22.102.830.506
Công ty Cổ phần Điện cơ Quan Hiền	443.296.522	25.309.612.636
Các khách hàng khác	132.423.249.832	135.865.002.805
	186.144.063.171	207.304.196.561

Biến động của nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.496.573.288	1.715.204.229
Tăng dự phòng trong năm	21.320.000	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(70.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(218.630.941)
Số dư cuối năm	1.447.893.288	1.496.573.288

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	59.101.823.176	-	56.649.766.135	-
Nguyên vật liệu	27.398.970.829	-	37.132.436.228	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.867.319.073	(130.314.902)	3.192.207.305	(226.212.489)
Thành phẩm	89.528.714.080	(2.168.741.973)	103.940.957.183	(714.465.466)
	180.896.827.158	(2.299.056.875)	200.915.366.851	(940.677.955)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 27.540 triệu VND (1/1/2016: 17.901 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	145.070.111.269	278.076.935.446	8.842.474.682	3.429.275.789	7.200.096.596	442.618.893.782
Tăng trong năm	-	1.117.561.446	2.731.192.127	166.050.000	-	4.014.803.573
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	694.239.867	10.813.754.777	-	-	-	11.507.994.644
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối năm	145.764.351.136	289.444.268.456	11.573.666.809	3.595.325.789	7.200.096.596	457.577.708.786
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	84.130.658.025	243.324.719.262	7.812.268.419	3.196.415.558	6.827.591.269	345.291.652.533
Khấu hao trong năm	5.311.927.361	11.307.809.671	438.264.592	87.002.127	76.206.636	17.221.210.387
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối năm	89.442.585.386	254.068.545.720	8.250.533.011	3.283.417.685	6.903.797.905	361.948.879.707
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	60.939.453.244	34.752.216.184	1.030.206.263	232.860.231	372.505.327	97.327.241.249
Số dư cuối năm	56.321.765.750	35.375.722.736	3.323.133.798	311.908.104	296.298.691	95.628.829.079

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có số tài sản có nguyên giá 233.885 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 213.893 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	378.000.000
Khấu hao trong năm	113.400.000
Số dư cuối năm	491.400.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	189.000.000
Số dư cuối năm	75.600.000

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	7.467.834.491	346.952.775
Tăng trong năm	12.855.608.905	8.496.316.707
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.507.994.644)	(1.192.280.228)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(106.571.364)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(55.206.490)
Xóa sổ	-	(21.376.909)
Số dư cuối năm	8.815.448.752	7.467.834.491

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	874.667.532	1.435.370.492
Đồng phục	90.000.000	30.000.000
Chi phí bảo hiểm	44.503.795	46.086.934
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	100.361.607	145.676.764
	1.109.532.934	1.657.134.190
	1.109.532.934	1.657.134.190

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.538.606.491	1.072.447.743	2.611.054.234
Tăng trong năm	-	1.480.364.055	1.480.364.055
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(950.151.147)	(1.006.999.707)
	1.481.757.931	1.602.660.651	3.084.418.582
	1.481.757.931	1.602.660.651	3.084.418.582

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tài sản cố định	578.443.797	585.563.547
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	44.151.876	178.361.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	213.428.726	127.279.660
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	527.451.503	365.038.120
	1.363.475.902	1.256.243.059
	1.363.475.902	1.256.243.059

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	78.857.986.372	78.857.986.372	163.348.803.761	163.348.803.761
Các nhà cung cấp khác	15.627.253.309	15.627.253.309	16.692.002.575	16.692.002.575
	94.485.239.681	94.485.239.681	180.040.806.336	180.040.806.336

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	78.857.986.372	78.857.986.372	163.348.803.761	163.348.803.761

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	160.775.158.646	(62.368.952.258)	(98.406.206.388)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.322.771.774	12.426.194.433	(19.710.499.790)	-	226.488.693	264.955.110
Thuế thu nhập cá nhân	634.159.052	2.184.014.560	(2.151.393.586)	-	-	666.780.026
	7.956.930.826	175.385.367.639	(84.230.845.634)	(98.406.206.388)	226.488.693	931.735.136

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số được hoàn lại trong năm VND	Số đã cần trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại						
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	19.231.030.493	114.397.431.509	(28.663.244.994)	(98.406.206.388)	-	6.559.010.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	226.488.693	226.488.693

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay	200.987.541	203.002.398
Phí tiền tích	82.781.352	246.579.726
Chi phí khác	844.294.499	760.468.388
	1.128.063.392	1.210.050.512

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm			31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	187.483.000.000	187.483.000.000	416.931.000.000	(438.279.000.000)	1.470.000.000	167.605.000.000	167.605.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	18.228.000.000	6.762.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	11.392.500.000	11.270.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	-	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Anping (b)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	-	58.604.000.000
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu Hạn Một thành Viên ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	Chi phí huy động vốn + 0,5% - được quyết định cho từng giao dịch	-	18.032.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2016 - VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	50.506.500.000	18.032.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai (b)	65.000.000.000 VND	VND: 4,9% và có thể điều chỉnh cho từng giao dịch	10.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 2%	63.798.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank – Chi nhánh Ann Ping (a)	2.500.000 USD	LIBOR + 1,5%	13.680.000.000	24.783.000.000
			167.605.000.000	187.483.000.000

- a. Khoản vay này được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	53.204.347.982	353.498.887.938
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.810.506.848	(6.810.506.848)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.157.786.164)	(1.157.786.164)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	62.499.389.051	62.499.389.051
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(27.892.340.268)	(27.892.340.268)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	79.843.103.753	386.948.150.557
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.798.773.695	48.798.773.695
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 20)	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	89.787.554.671	434.153.189.832

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.788.568	27.885.680.000	-	-
Số dư cuối năm	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

20. Cổ tức

Tại ngày 10 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 27.885.680.000 VND bằng cách phát hành 2.788.568 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu (2015: cổ tức trả bằng tiền 27.892 triệu VND (trương đương 1.000 VND một cổ phiếu)).

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.329.658.481	4.063.188.231
Trong vòng hai đến năm năm	16.731.421.422	20.608.940.055
Trên năm năm	76.378.008.164	82.041.530.392
	<hr/>	<hr/>
	97.439.088.067	106.713.658.678
	<hr/>	<hr/>

Chi phí thuê hàng năm bao gồm ba hợp đồng thuê:

- Phí thuê đất Trụ sở chính của Công ty tại tỉnh Đồng Nai với mức thuê tối thiểu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 25.885 USD trong vòng 50 năm tính từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi năm năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu VND trong 6 năm tính từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.
- Phí thuê đất hàng năm tại tỉnh Hải Dương là 590 triệu VND trong tám năm tính từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 16 tháng 7 năm 2042.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	511.745	11.624.588.924	236.254	5.313.704.279

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.283.378.592.218	1.399.498.325.777
▪ Bán hàng hóa	408.796.697	924.358.895
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	6.724.848.200	7.699.747.700
▪ Cung cấp dịch vụ	801.336.000	927.175.516
	<u>1.291.313.573.115</u>	<u>1.409.049.607.888</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(284.030.870)	(159.665.335)
Doanh thu thuần	<u>1.291.029.542.245</u>	<u>1.408.889.942.553</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	1.177.213.724.948	1.268.827.706.525
▪ Hàng hóa đã bán	321.910.937	623.033.463
▪ Cung cấp dịch vụ	161.735.028	192.659.175
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.358.378.920	323.967.384
	<hr/>	<hr/>
	1.179.055.749.833	1.269.967.366.547
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.732.141.897	9.059.689.385
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.025.488.739	4.220.130.181
	<hr/>	<hr/>
	14.757.630.636	13.279.819.566
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.563.426.244	4.898.081.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.200.689.974	18.445.515.874
	<hr/>	<hr/>
	10.764.116.218	23.343.597.463
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thu nhập khác**

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	15.500.000	-
Thu nhập khác	18.878.302	39.631.263
	<hr/>	<hr/>
	34.378.302	39.631.263
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Các khoản phạt thuế	669.469.577	-
Các khoản chi phí khác	81.989.286	149.895.294
	<hr/>	<hr/>
	751.458.863	149.895.294
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.077.129.275.247	1.220.728.441.049
Chi phí nhân công	63.306.203.204	56.865.535.430
Chi phí khấu hao	17.334.610.387	17.701.979.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.273.776.623	49.808.892.282
Chi phí khác	21.328.341.272	18.569.093.105
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	11.790.727.929	14.911.262.172
Dự phòng thiếu trong những năm trước	635.466.504	-
	<hr/> 12.426.194.433	<hr/> 14.911.262.172
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(107.232.843)	(72.221.477)
	<hr/> 12.318.961.590	<hr/> 14.839.040.695

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.117.735.285	77.338.429.746
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.167.660.293	11.600.764.462
Ảnh hưởng của thuế suất khác	1.398.526.425	2.024.619.291
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.117.308.368	1.213.656.942
Dự phòng thiếu trong những năm trước	635.466.504	-
	<hr/> 12.318.961.590	<hr/> 14.839.040.695

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư của Trụ sở chính của Công ty tại Đồng Nai, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và cân trừ với lãi phát sinh trong những năm tiếp theo trong thời gian tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	48.798.773.695	62.499.389.051
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	48.798.773.695	62.499.389.051

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	27.892.014	27.892.014
Ảnh hưởng của phát hành cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	2.788.568	2.788.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	30.680.582	30.680.582

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng (1/1/2016: không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ và các công ty liên kết khác, các thành viên Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và phụ cấp	1.684.992.060	1.809.584.450
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và phụ cấp	3.292.428.000 408.809.687	3.512.671.100 472.016.356
	5.386.229.747	5.794.271.906

Giao dịch với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd		
Mua nguyên vật liệu	780.326.522.538	745.781.208.254
Phí bản quyền và phí UL	1.640.183.708	1.756.391.782
Teco (Vietnam) Electric & Machinery Co., Ltd		
Cung cấp dịch vụ	840.769.600	821.893.068
Taya (Vietnam) Construction and Development Co., Ltd		
Cung cấp dịch vụ	40.700.000	198.000.000

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty liên quan), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd và giấy chứng nhận UL để sở hữu 13 sản phẩm. Cũng theo hợp đồng này, Công ty sẽ trả phí bản quyền là 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực phát sinh từ các sản phẩm này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

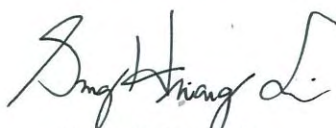
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Phân phối cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	27.885.680.000	-

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



VIỆT NAM
Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc



Đ. T. N. NG
HAN
MINH